

TT	Tên cây	Tiêu chuẩn phân loại	Đơn vị	Đơn giá bồi thường
3	Trầu không	Trên 10 m ² giàn lá	đồng/giàn	25.000
		Từ 5 đến < 10 m ² giàn lá	“	20.000
		Từ 1 đến < 5 m ² giàn lá	“	10.000
		Cây đơn độc bám tường	“	5.000
		Cây cắm gốc mới trồng	“	2.000
4	Bầu, bí, mướp, gác, xu xu	Trên 30 quả	đồng/giàn	35.000
		Từ 20 đến < 30 quả	“	30.000
		Từ 10 đến < 20 quả	“	15.000
		Dưới 10 quả	“	7.000
		Cây leo giàn chưa có quả	“	3.000
		Cây mới trồng	“	1.400
5	Các loại cây lấy hoa: Thiên lý, hoa giấy	Tán trên 10 m ²	đồng/giàn	24.000
		Tán từ 8 đến < 10 m ²	“	18.000
		Tán từ 6 đến < 8 m ²	“	12.000
		Tán từ 4 đến < 6 m ²	“	6.000
		Tán < 4 m ²	“	4.000
6	Các loại cây có vỏ chay, quả trám	Từ 50 đến 70 kg quả	đồng/cây	60.000
		Từ 30 đến 50 kg quả	“	42.500
		Từ 20 đến 30 kg quả	“	32.500
		Từ 10 đến 20 kg quả	“	23.000
		Từ 1 đến 10 kg quả	“	14.000
7	Củ ráy	Trồng trên 2 năm	đồng/bụi	7.500
		Từ 1 đến 2 năm	“	6.000
		Dưới 1 năm	“	2.500
8	Sắn dây	Cụm trên 30 kg củ	đồng/bụi	375.000
		Từ 20 đến 30 kg củ	“	291.000
		Từ 10 đến 20 kg củ	“	175.000
		Từ 5 đến 10 kg củ	“	87.500
		Từ 1 đến 5 kg quả	“	35.000
		Loại trồng đã leo giàn	“	3.500
		Loại mới trồng	“	1.800

PHỤ LỤC IV (PHẦN II)
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG VẬT NUÔI (NUÔI TRỒNG THỦY SẢN):

TT		Tên vật nuôi	Năng suất (kg/360m ²)	Đơn giá BT (đ/kg)
1	Cá	- Cá thịt	150	15.000
		- Cá giống	70	36.000
2	Tôm càng xanh		50	55.000

Quyết định số 185/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2005
V/v Ban hành chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2005

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2005/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2004/NQ-HĐND của HĐND tỉnh khoá XVI kỳ họp thứ 3 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2005;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2005”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2005

(Ban hành kèm theo Quyết định số 185 /2005/QĐ-UB ngày 31 /01/2005)

I. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH, TẠO CHUYỂN BIẾN MẠNH TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ:

1. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 08/TU của Tỉnh uỷ về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Trong quý 1/2005, UBND huyện Duy Tiên hoàn thành phương án GPMB khu công nghiệp Đồng Văn, khu đô thị mới Đồng Văn.

Sở Xây dựng phối hợp với Sở Công nghiệp trình UBND tỉnh trong quý 1/2005 điều chỉnh quy hoạch vật liệu xây dựng, nguyên liệu phục vụ công nghiệp xi măng trên địa bàn tỉnh (bao gồm: địa điểm, trữ lượng, chất lượng). Sở Công nghiệp trình trong quý 2/2005 Quy hoạch Điện đến năm 2015; Sở Tài nguyên và Môi trường trình quy hoạch vùng khai thác tài nguyên- khoáng sản, quy định cấp phép khai thác, xây dựng lộ trình di chuyển các điểm khai thác khoáng sản ra khỏi vùng cấm khai thác.

2. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Các cấp chính quyền tham mưu cho cấp uỷ cùng cấp đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ, tổng kết các mô hình thuộc 13 chương trình trọng điểm của Kế hoạch 365 trên địa bàn huyện, thị xã và đề ra nhiệm vụ Kế hoạch 2005. Tiếp tục chuyển dịch ruộng trồng, xây dựng trang trại chăn nuôi, thủy sản, trồng trọt gắn với phong trào cánh đồng 50 triệu đồng/ha, hộ nông dân có thu nhập 50 triệu đồng/ năm.

- Tăng cường liên kết “ 4 nhà” trong sản xuất- chế biến, tiêu thụ nông sản.

Sở Nông nghiệp và PTNT trong quý 4/2005 hoàn chỉnh báo cáo đánh giá 4 năm (2001- 2005) thực hiện Nghị quyết 03/TU và KH 365/UB về 13 chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, phát triển ngành nghề dịch vụ ở nông thôn; phương hướng nhiệm vụ đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 03 trong thời kỳ 2006-2010.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính nghiên cứu cơ chế chính sách nhằm khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chế biến, tiêu thụ nông sản, cung

ứng vật tư và dịch vụ kỹ thuật... Đồng thời xây dựng quan hệ liên kết giữa các Doanh nghiệp với nông dân từ hình thức quan hệ mua - bán nhất thời sang quan hệ mua- bán ổn định theo hợp đồng có gắn lợi ích và trách nhiệm giữa 2 bên; nghiên cứu hình thức nông dân tham gia góp vốn cổ phần vào Doanh nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; chính sách khuyến khích Doanh nghiệp áp dụng hình thức bảo hiểm đối với nông sản theo hợp đồng.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, trọng tâm là các công trình đầu mối phục vụ chủ động tưới tiêu, ưu tiên các vùng quy hoạch xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha.

Trong quý 1/2005, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng vùng phân lũ sông Đáy; hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án cống Tác Giang theo yêu cầu của ADB để khởi công vào cuối năm 2005.

3. Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển các loại thị trường trên địa bàn tỉnh phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập.

- Trong quý 1/2005, hoàn thành việc kiểm tra, xây dựng phương án xử lý đối với các Doanh nghiệp sử dụng đất không đúng mục đích hoặc quá thời hạn nhưng không đầu tư ở các KCN, cụm CN trên địa bàn tỉnh.

- Trong quý 2/2005, hoàn thành cấp GCNQSD đất cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân. Đối với đất tôn giáo tiếp tục xem xét, cấp GCN cho các cơ sở dù điều kiện theo quy định của Pháp luật.

- Trong quý 2/2005, thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên - Môi trường, đưa vào hoạt động từ 1/7/2005. Trong năm 2005, nghiên cứu thành lập Tổ chức phát triển quỹ đất của tỉnh.

- Trong quý 3/2005, hoàn thành công tác tổng kiểm kê đất đai năm 2005 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Quý 4/2005, hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đai năm 2006- 2010.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế thành lập Doanh nghiệp mới, không hạn chế về quy mô.

Trong quý 1/2005, Sở Kế hoạch - Đầu tư trình sửa đổi quy định về cơ chế và chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1428/2001 của UBND tỉnh; BQL các KCN trình Quy định cơ chế ưu đãi đầu tư vào các KCN.

Trong quý 1/2005, Sở Kế hoạch Đầu tư trình UBND tỉnh ban hành quy định về tiêu chí lựa chọn Doanh nghiệp vào các KCN, cụm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh.

Tạo điều kiện cho việc hình thành và phát triển các loại thị trường trên địa

bàn tỉnh phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực: Thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường KH-CN, thị trường Bưu chính viễn thông...

- Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị cần thực hiện nghiêm quy định về quy trình, thủ tục hành chính trong đầu tư, rút ngắn thời gian thẩm định, cấp phép đầu tư... Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an, Thuế tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định trong thực hiện các công việc: Đăng ký kinh doanh, khắc dấu, cấp mã số thuế và bán hoá đơn, theo hướng đơn giản hoá thủ tục và rút ngắn thời gian giải quyết xuống dưới 15 ngày.

4. **Đẩy mạnh huy động vốn đầu tư của tất cả các thành phần kinh tế phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế:**

- Sở Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với Sở Giao thông vận tải rà soát lại và hoàn chỉnh danh mục dự án BOT trong lĩnh vực Giao thông vận tải để thu hút các nguồn vốn ngoài NSNN.

- Trong quý 1/2005, Sở Giao thông vận tải báo cáo đề án thu phí cầu đường để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 4.

- Sở KH-ĐT phối hợp với Sở Xây dựng, Tài nguyên Môi trường xây dựng danh mục các dự án đầu tư trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng đô thị và công trình công cộng nhằm kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư của các thành

phần kinh tế khác báo cáo các Bộ liên quan trong quý 2/2005.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất danh mục các dự án Quốc gia trên địa bàn tỉnh kêu gọi đầu tư nước ngoài báo cáo Bộ Kế hoạch - Đầu tư trong quý II/2005.

5. Hoàn thành sắp xếp, nâng cao hiệu quả của DNNN theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đẩy mạnh xử lý nợ tồn đọng, làm lành mạnh tình hình tài chính Doanh nghiệp.

Sở Kế hoạch - Đầu tư thực hiện đánh giá hiệu quả Doanh nghiệp và năng lực người quản lý điều hành DNNN theo tiêu chí quy định của Nhà nước. Giám đốc DNNN phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sắp xếp Doanh nghiệp theo tiến độ và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

II. TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG CÁC QUY HOẠCH QUẢN LÝ ĐÔ THỊ, PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG, KHAI THÁC TỐT NGUỒN NỘI LỰC CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ, CHỐNG THẮT THOÁT VÀ LÃNG PHÍ ĐẦU TƯ:

1. Tiếp tục rà soát, cập nhật và nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển:

Đổi mới phương pháp xây dựng quy hoạch, kết hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất, làm cho sản phẩm của quy hoạch phát huy được lợi thế của địa phương, là định

hướng huy động mọi nguồn lực của xã hội để tổ chức thực hiện.

Các Sở quản lý ngành phối hợp với Sở Kế hoạch Đầu tư rà soát lại các quy hoạch sản phẩm chủ yếu theo hướng: Quy hoạch là định hướng để các thành phần kinh tế tham khảo khi xây dựng đề án sản xuất kinh doanh, không hạn chế đầu tư đối với tất cả các thành phần kinh tế. Điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài.

Thực hiện công khai hoá quy hoạch, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cộng đồng đối với công tác quy hoạch.

Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh trong quý 2/2005 phê duyệt, rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 phục vụ cho xây dựng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 17.

UBND thị xã Phủ Lý tập trung đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang đô thị đi đôi với xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng các khu đô thị mới theo quy hoạch đô thị loại 3.

Sở Xây dựng trong quý 4/2005 hoàn thành quy hoạch xây dựng các xã.

2. Khai thác tốt nguồn nội lực cho đầu tư phát triển:

- Tiếp tục tạo nguồn vốn quỹ đất thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng

đất. Xây dựng cơ chế điều tiết số thu từ đấu giá cho ngân sách các cấp đảm bảo hài hoà các lợi ích nhằm khuyến khích chính quyền các cấp đẩy mạnh việc tổ chức đấu giá.

Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các huyện thị trong quý 2/2005 hoàn thành quy hoạch các vị trí đất để thực hiện đấu giá, trọng tâm là các vị trí có lợi thế so sánh do Nhà nước sẽ thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng quan trọng trên địa bàn (*Dự án cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình, quy hoạch chuỗi đô thị Đông Văn - Yên Lệnh....*).

- Đẩy mạnh huy động vốn trong dân theo quy chế dân chủ, vốn từ các nguồn khác ngoài ngân sách nhà nước thông qua xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn gắn với tiếp tục cơ chế 165 ở một số lĩnh vực.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình trong quý 1/2005, báo cáo đánh giá kết quả 4 năm thực hiện cơ chế 165, xác định mục tiêu hoàn thành; tổng khối lượng vốn cần và khả năng cân đối hàng năm... đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung một số lĩnh vực cần hỗ trợ trong năm 2005.

3. Nâng cao hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, thất thoát vốn đầu tư Nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 29/2003/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phải soát xét và

chịu trách nhiệm đối với các công trình đang xây dựng và dự định khởi công để bảo đảm hiệu quả đầu tư, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải. Kiên quyết không quyết định đầu tư các dự án chưa chắc chắn về nguồn vốn. Tăng cường thanh tra đầu tư xây dựng cơ bản.

Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quý 1/2005, trình sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp đầu tư xây dựng, đồng thời phối hợp với các Sở ngành liên quan có văn bản hướng dẫn thực hiện; trong quý 2/2005, trình quy định về quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Sở Xây dựng trong quý 2/2005 trình quy định về phân cấp quản lý quy hoạch và quản lý trật tự đô thị.

- Tích cực giải quyết tồn đọng xây dựng cơ bản theo hướng: bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong dự toán ngân sách 2005 chủ yếu cho trả nợ cũ, phấn đấu vượt thu ngân sách để trả nợ dần, hạn chế phát sinh nợ mới (*không để phát sinh nợ mới trái quy định của Pháp luật*).

Trong quý 2/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính phân loại nợ, xây dựng kế hoạch thanh toán nợ XDCB cho từng năm, phấn đấu hết năm 2008 cơ bản thanh toán xong nợ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với sở Xây dựng, GTVT xây dựng kế hoạch về thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ 2006 - 2010.

Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ và các Ban của HĐND tỉnh xây dựng quy chế đảm bảo cho các cơ quan dân cử và nhân dân giám sát các công trình, dự án đầu tư bằng vốn Nhà nước.

III. TÀI CHÍNH:

1. Tài chính và ngân sách Nhà nước:

Các cấp chính quyền cần triển khai thực hiện nhiệm vụ dự toán ngân sách năm 2005 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, phấn đấu tăng thu ngân sách từ 5% trở lên so với dự toán cấp trên giao.

Trong quý 1/2005, Cục Thuế tỉnh báo cáo kết quả rà soát các Doanh nghiệp đăng ký nộp thuế trên địa bàn.

Trong quý 2/2005, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ trình đề án mở rộng diện thực hiện khoán biên chế, kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước theo Quyết định 192/2001 của Thủ tướng Chính phủ và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định 10/NĐ-CP.

Trong quý 3/2005, sở Y tế và sở GD-ĐT lập, Sở Tài chính thẩm định đề án sửa đổi, bổ sung chế độ học phí, viện phí theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh.

2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước

về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, sử dụng xe ô tô và các nguồn kinh phí thuộc NSNN. Quát triệt và thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo, mít tinh kỷ niệm, đón nhận danh hiệu thi đua...

Sở Tài chính trong quý 1/2005 có hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Thông tư 118/2004 của Bộ Tài chính.

IV. CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG:

- Tăng cường tuyên truyền về cơ chế chính sách, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến công tác đền bù GPMB.

- Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo chính quyền các cấp, Hội đồng đền bù GPMB, Ban GPMB; khuyến khích thành lập Ban GPMB chuyên trách thuộc cấp huyện, bổ sung cán bộ trực tiếp làm công tác đền bù GPMB có chuyên môn, nghiệp vụ có đủ năng lực, phẩm chất.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở Xây dựng, sở Tài nguyên môi trường và UBND các huyện thị trình UBND tỉnh trong quý 1/2005 chính sách hỗ trợ đền bù GPMB, điều chỉnh đơn giá đền bù tài sản áp dụng ở các địa phương bị thu hồi nhiều đất nông nghiệp phục vụ xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị mới.

V. LĨNH VỰC VH-XH VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ BỨC XÚC:

1. Văn hoá - Xã hội.

- Sở Kế hoạch - Đầu tư trong quý 2/2005 hoàn thiện đề án xã hội hoá 5 lĩnh

vực Văn hoá - Xã hội để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 4.

- Sở GD-ĐT trình UBND tỉnh trong quý 2/2005 sửa đổi Quyết định 293/2001/QĐ-UB Quy định về dạy ngoài giờ chính khóa; đề án tin học hóa trong các trường học.

- Sở Nội vụ phối hợp với Sở GD-ĐT trong quý 2/2005 trình đề án thành lập Phòng Khảo thí trực thuộc Sở GD-ĐT.

- Trong quý 2/2005, Sở GD-ĐT phối hợp với Sở Tài chính, Sở KH-ĐT trình BCD KCH trường lớp học của Chính phủ bố trí vốn từ chương trình KCH trường lớp học để Hà Nam hoàn thành chương trình trong năm 2005 theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Sở Lao động TBXH trình UBND tỉnh trong quý 2/2005 Đề án xóa nhà tạm, nhà không an toàn cho hộ nghèo, hộ thuộc đối tượng chính sách; phối hợp với Cục Thống kê chỉ đạo, hướng dẫn các huyện thị tổ chức và hoàn thành trong quý 3/2005 cuộc điều tra hộ nghèo theo chuẩn mới của nhà nước quy định cho thời kỳ 2006- 2010.

- Sở Nông nghiệp PTNT phối hợp với sở Y tế và UBND các cấp đề ra các giải pháp cụ thể, sát thực chỉ đạo kiên quyết, tổ chức thực hiện nghiêm túc việc phòng chống, dập tắt triệt để các ổ dịch cúm gia cầm đã phát hiện, ngăn chặn không để lây lan ra diện rộng, đặc biệt, chú ý không để lây sang người.

- Trong quý 1/2005, tổ chức hội nghị triển khai KH của UBND tỉnh thực hiện

Chỉ thị của Tỉnh uỷ về Dân số Kế hoạch hoá gia đình.

2. Về môi trường:

- Giải quyết tình trạng ô nhiễm nặng nguồn nước sông Nhuệ, sông Đáy.

Trong quý 1/2005, Sở Tài nguyên Môi trường hoàn thành báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường năm 2004; phối hợp với thành phố Hà Nội và các tỉnh trong lưu vực hoàn thiện đề án tổng thể bảo vệ môi trường sông Nhuệ, sông Đáy trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai xây dựng một số hạng mục thuộc dự án bảo vệ môi trường sông Nhuệ, sông Đáy trên địa bàn tỉnh: Trạm quan trắc môi trường, phòng thí nghiệm...

- Sở Nông nghiệp - PTNT và sở Y tế chủ trì, phối hợp với sở Tài nguyên Môi trường và các ngành liên quan trình UBND tỉnh trong quý 3/2005 đề án xử lý hàm lượng ASEN trong nước ngầm.

Giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường: Kiên quyết xử lý các tổ chức kinh tế không thực hiện đúng quy định về xử lý và bảo vệ môi trường.

- Trong quý 1/2005, Sở Tài nguyên Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình đề án thành lập Quỹ môi trường và Đề án thu phí nước thải công nghiệp.

3. Vấn đề đào tạo nghề và giải quyết việc làm:

- Trong quý I, quý II Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp

với Sở Kế hoạch - Đầu tư và các ngành, UBND các huyện, thị:

+ Tiếp tục khảo sát, đánh giá thực trạng lao động (*nhất là ở những nơi thu hồi đất để phát triển CN, dịch vụ, đô thị...*), nhu cầu lao động của các Doanh nghiệp, xây dựng Đề án giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, trọng tâm là khu vực nông thôn, hộ nghèo và đối tượng chính sách người có công.

+ Trình đề án điều chỉnh quy hoạch, chiến lược đào tạo nghề năm 2005 và đến 2010; đặc biệt về mạng lưới, loại hình, quy mô các trường, trung tâm đào tạo nghề và giới thiệu việc làm để có cơ sở đầu tư, nâng cấp, thành lập mới, đảm bảo đào tạo nghề có địa chỉ và gắn với giải quyết việc làm.

+ Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách về khuyến khích đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Tăng cường kiểm tra, thanh tra về thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động ở các DN; kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của Pháp luật.

4. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

- UBND các cấp, các ngành tiếp tục duy trì nền nếp, cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp dân.

- Trong quý 1/2005, UBND các cấp, các ngành chỉ đạo rà soát phân loại đơn thư khiếu nại tố cáo; xây dựng kế hoạch, biện pháp giải quyết từng vụ việc. Tăng cường kiểm tra việc tiếp dân và giải quyết đơn thư tại cơ sở.

- Đẩy mạnh tuyên truyền chính sách pháp luật nói chung và pháp luật về khiếu nại tố cáo; từ nay đến trước ngày 10/5/2005 các cấp, các ngành phải hoàn thành việc tổng kết thực hiện Chỉ thị 09/CT-TW của Ban Bí thư TW Đảng về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo và Luật khiếu nại tố cáo.

- Từng quý trong năm, Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp Công an tỉnh có báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết đơn thư, hàng quý gửi Thường trực Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Thường trực các huyện, thị uỷ, UBND các huyện thị xã, các ngành có vụ việc thuộc thẩm quyền chỉ đạo giải quyết. Hàng tháng tổ chức giao ban về công tác chuyên môn với các tổ chức thanh tra trong tỉnh.

- Tiếp tục củng cố tổ chức, công tác cán bộ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và thanh tra viên. Thanh tra tỉnh, trong quý 2/2005, trình UBND tỉnh Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị trong việc giải quyết đơn thư.

VI. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

Tập trung chỉ đạo có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong cả 4 khâu: Thể chế; tổ chức bộ máy; cán bộ công chức và tài chính công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính- lấy năm 2005 là “*năm cải cách thủ tục hành chính*” - coi đây là khâu đột phá trong cải cách hành chính.

Trong quý 1/2005, Sở Nội vụ trình Ủy ban đề án triển khai Nghị định 171, 172/CP. Triển khai đề án công chức cấp xã.

Rà soát, điều chỉnh quy định phân cấp nhiệm vụ theo hướng mở rộng phân cấp cho cấp huyện, cấp xã giải quyết những thủ tục liên quan trực tiếp đến công việc hàng ngày của dân.

Trong quý 1/2005 Sở Nội vụ hướng dẫn các xã triển khai đề án “*một cửa*” ở cấp xã; trong quý 2/2005, Sở Nội vụ có báo cáo sơ kết 1 năm thực hiện cơ chế “*một cửa*” xây dựng đề án triển khai và tổ chức thực cơ chế “*một cửa*” ở các đơn vị còn lại trên địa bàn tỉnh.

Quý 4/2005, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng đề án mở rộng phạm vi áp dụng cơ chế “*một cửa*” ở tất cả các vấn đề có liên quan đến công dân và Doanh nghiệp.

Trong quý 1/2005, sở KH- CN chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trình báo cáo đánh giá thực hiện chương trình công nghệ thông tin trong quản lý hành chính Nhà nước.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp, tăng cường tổ chức các hội nghị chuyên đề, chuyên sâu, cải tiến phương pháp tổ chức để nâng cao chất lượng hội nghị, giảm các cuộc họp giải quyết công việc sự vụ, tăng cường kiểm tra giám sát, xử lý các vụ việc tại cơ sở.

Văn phòng UBND tỉnh xây dựng nội dung, chương trình phục vụ phiên họp UBND tỉnh thường kỳ theo đúng quy chế làm việc của UBND tỉnh.

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN

Trong chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2005

I. ĐỀ ÁN TRÌNH UBND TỈNH THẢO LUẬN TẠI CÁC PHIÊN HỌP THƯỜNG KỲ:

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chuẩn bị
	Tháng 1	
1.	- Quy định chính sách hỗ trợ đền bù GPMB áp dụng với các địa phương bị thu hồi nhiều đất nông nghiệp phục vụ xây dựng các KCN, khu đô thị.	Sở Tài chính
	Tháng 2	
1.	- Quy định tiêu chí lựa chọn Doanh nghiệp vào KCN, cụm CN, TTCN, làng nghề,	Sở KH&ĐT
2.	-Đề án về Bộ máy tổ chức cơ quan chuyên môn theo ND 171,172/ND- CP; đề án thành lập mới, mở rộng 1 số thị trấn	Sở Nội vụ (để trình BTVTU)
	Tháng 3	
1.	- Quyết định sửa đổi bổ sung Quy định phân cấp về đầu tư xây dựng	Sở KH&ĐT
2.	- Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 165 về hỗ trợ đầu tư một số lĩnh vực.	Sở KH&ĐT
3.	- Báo cáo tình hình kinh Từ - xã hội quý I, kế hoạch quý II/2005	Sở KH&ĐT
4.	- Đề án thành lập quỹ môi trường và đề án thu phí nước thải công nghiệp.	Sở TN&MT
5.	- Đề án thu phí nước thải sinh hoạt.	Sở Tài chính
6.	- Quy định về cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN.	Ban QL các KCN

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chuẩn bị
7.	- Sửa đổi Quyết định 1046/2003/QĐ- UB về trình tự thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của UBND tỉnh Hà Nam	Sở Tư pháp
8.	- Điều chỉnh quy định về cơ chế khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.	Sở KH&ĐT
9.	- Báo cáo chuyên đề về giải quyết đơn thư	Thanh tra tỉnh
Tháng 4		
1.	- Đề án thành lập Phòng khảo thí và kiểm định chất lượng	Sở GD-ĐT + Sở Nội vụ
2.	- Báo cáo chuyên đề cải cách thủ tục hành chính	Sở Nội vụ
3.	- Đề án thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	Sở Nội vụ
4.	- Quy hoạch phát triển đào tạo nghề đến năm 2010	Sở LĐ TB&XH
5.	- Đề án thành lập Hội các tổ chức hữu nghị nhân dân tỉnh Hà Nam	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ
Tháng 5		
1.	- Điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, định hướng đến 2020	Sở KH&ĐT (để trình BTVTU)
2.	- Đề án thành lập Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật tỉnh Hà Nam	Sở KH- CN
3.	- Quy định về việc thực hiện chế độ chính sách Dân số - gia đình	Ủy ban DSGĐ - TE
Tháng 6		
1.	- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2005 để trình HĐND tỉnh.	Sở KH&ĐT
2.	- Báo cáo tình hình thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, phương hướng 6 tháng cuối năm 2005 để trình HĐND tỉnh.	Sở Tài chính

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chuẩn bị
3.	- Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2006 - 2010	Sở KH&ĐT (để trình BTVTU)
4.	- Quy định về phân cấp quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng đô thị.	Sở Xây dựng
5.	- Đề án xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và hệ thống nhà văn hóa thôn, làng ở Hà Nam.	Sở VH TT
6.	- Quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm y tế cấp xã đạt chuẩn Quốc gia.	Sở Y tế
Tháng 7		
1.	- Quy định về việc quản lý thành lập và tổ chức hoạt động của các Hội nghề nghiệp.	Sở Nội vụ
2.	- Thảo luận các đề án của các tháng trước chưa hoàn thành (do nguyên nhân khách quan).	
Tháng 8		
1.	- Quy định về quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu Khoa học địa bàn tỉnh Hà Nam.	Sở KH- CN
2.	- Quy định về thẩm định và chuyển giao công nghệ địa bàn tỉnh Hà Nam.	Sở KH- CN
Tháng 9		
1.	- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng, nhiệm vụ quý 4/2005	Sở KH & ĐT
2.	- Đề án bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa	Sở VH TT
3.	- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, KH sử dụng đất 2006 - 2010 để trình HĐND tỉnh.	Sở TN & MT
4.	- Quy định về kiểm soát và an toàn bức xạ địa bàn tỉnh Hà Nam.	Sở KH- CN
5.	- Quy định về quản lý chất lượng hàng hoá dịch vụ trên địa bàn tỉnh.	Sở KH- CN

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chuẩn bị
Tháng 10		
1.	- Kế hoạch phát triển KT - XH và dự toán ngân sách năm 2006	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính
2.	- Quy hoạch phát triển sự nghiệp VHTT đến năm 2010, định hướng đến năm 2020(đề cương chi tiết)	Sở VHTT
3.	- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển NN&PTNT tỉnh Hà Nam	Sở NN&PTNT
4.	- Đề án thành lập Tổ chức phát triển quỹ đất của tỉnh	Sở Nội vụ
Tháng 11		
1.	- Quy định về quy chế vận động, quản lý sử dụng vốn ODA	Sở KH&ĐT
2.	- Các báo cáo KT - XH, ngân sách Nhà nước, quốc phòng, an ninh, giải quyết khiếu nại tố cáo trình kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh	Các đơn vị: Sở KH&ĐT, TC, CA, QS, T.Tra
Tháng 12		
1.	- Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh năm 2005, chương trình công tác năm 2006	VP UBND tỉnh

II. DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN XIN Ý KIẾN UBND TỈNH (*Hình thức gửi văn bản xin ý kiến*)

- Quy chế phối hợp quản lý đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong các KCN (*Ban quản lý các KCN + Công an tỉnh trình trong tháng 2/2005*)

- Quy định về số lượng, chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã (*Sở Nội vụ trình Ban Thường Vụ tỉnh ủy trong tháng 2/2005*).

- Quyết định ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của 1 số sở ngành (*Sở Nội vụ trình trong tháng 5/2005*).

- Đề án nâng cấp phòng thí nghiệm của trung tâm ứng dụng KH-CN và kiểm định, kiểm nghiệm (*Sở KH-CN trình tháng 3/2005*).

- Báo cáo tổng kết công tác sáng kiến năm 2005 (*Sở KH-CN trình tháng 11/2005*).

- Dự thảo Chỉ thị của Ban Thường vụ tỉnh ủy về:

+ Công tác phòng chống bão lụt, ứng hạn năm 2005 (Sở NN trình tháng 4/2005)

+ Công tác BHXH, BHYT (BHXH tỉnh trình tháng 5/2005)

+ Phổ cập giáo dục THCS đến năm 2010 (Sở GD-ĐT trình tháng 6/2005)

- Chỉ thị của UBND tỉnh về xây dựng làng văn hóa sức khỏe (Sở Y tế trình tháng 6/2005).

- Chỉ thị của UBND tỉnh về đại hội TDTT các cấp (Sở TDTT trình tháng 2/2005).

III. DANH MỤC ĐỀ ÁN CỦA CÁC SỞ, NGÀNH TRÌNH LÃNH ĐẠO UBND TỈNH:

TT	TÊN ĐỀ ÁN	Thời gian trình (tháng)	Ghi chú
1	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ		
	- Báo cáo tại hội nghị gặp mặt doanh nghiệp và biểu dương DN giỏi	Tháng 02/2005	
	- Báo cáo đánh giá 4 năm thực hiện Quyết định 165 về cơ chế hỗ trợ đầu tư	Tháng 02/2005	
	- Báo cáo rà soát dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN và kế hoạch giải quyết nợ đọng XDCB	Tháng 3/2005	
	- Báo cáo sơ kết 1 năm thực hiện phân cấp đầu tư xây dựng	Tháng 4/2005	
	- Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia	Tháng 10/2005	
	- Báo cáo tình hình DN hoạt động theo Luật DN	Tháng 10/2005	
- Báo cáo tổng kết sắp xếp DNNN 5 năm 2001- 2005	Tháng 10/2005		
2	SỞ CÔNG NGHIỆP		
	- Báo cáo quy hoạch phát triển lưới điện đến năm 2015	Tháng 3/2005	
	- Báo cáo quy hoạch phát triển công nghiệp đến năm 2015	Tháng 5/2005	<i>Để trình BIVTU</i>
	- Báo cáo tổng kết công tác chuyển đổi mô hình quản lý điện nông thôn	Tháng 7/2005	
- Báo cáo kết quả 3 năm thực hiện NQ 08 và Kế hoạch 373	Tháng 9/2005		

TT	TÊN ĐỀ ÁN	Thời gian	
3	<p align="center">SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đường sơ tán cứu hộ, cứu nạn kết hợp chắn nước núi huyện Thanh Liêm - Dự án nuôi trồng thủy sản xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm - Báo cáo tổng kết PCLB năm 2004 - Báo cáo rà soát Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2010 - Báo cáo tổng kết sản xuất vụ mùa+ vụ đông năm 2004 gắn với sơ kết phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha - Báo cáo tổng kết chiến dịch thủy lợi Đông Xuân 2004- 2005 - Báo cáo đánh giá 4 năm (2001- 2005) thực hiện Nghị quyết 03/TU và KH 365/UB về 13 chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; phương hướng nhiệm vụ đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 03 trong thời kỳ 2006-2010. - Báo cáo tổng kết sản xuất vụ Đông Xuân 2004- 2005 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 4/2005 Tháng 4/2005 Tháng 4/2005 Tháng 5/2005 Tháng 5/2005 Tháng 10/2005 Tháng 12/2005 Tháng 11/2005 	<i>để trình BIVTU</i>
4	<p align="center">SỞ THƯƠNG MẠI- DU LỊCH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án quy hoạch xây dựng hạ tầng khu du lịch hồ Tam Chúc - Quy hoạch hệ thống bán xăng dầu - Quy hoạch mạng lưới chợ 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 4/2005 Tháng 7/2005 Tháng 7/2005 	
5	<p align="center">SỞ TÀI CHÍNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo QĐ 192/QĐ-TTg đối với cơ quan hành chính khối huyện. - Hướng dẫn cấp huyện xây dựng Đề án thực hiện NĐ 10 đối với đơn vị sự nghiệp có thu khối huyện. 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 3/2005 Tháng 3/2005 	

TT	TÊN ĐỀ ÁN	Thời gian	
	- Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 04 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tài chính ngân sách xã.	Tháng 6/2005	
6	<p style="text-align: center;">SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định trách nhiệm của các cấp, ngành, đoàn thể trong thực hiện Chỉ thị 02 của Ban TV Tỉnh uỷ - Quy định quản lý, lộ trình loại bỏ xe công nông - Đề án thu phí trực tiếp đối với xe tải qua cầu Phú Lý, cầu Khả Phong, Bông Lạng (lập trạm thu phí) - Đề án xây dựng tổ tự quản TTATGT - Dự án, TKKT 3 tuyến đường trục ngang nối đường cao tốc cầu Giẽ Ninh Bình - Quy định trách nhiệm và hình thức xử lý vi phạm trong quản lý QHGT, hành lang bảo vệ các CTGT - Dự án xây dựng cầu Lam Hạ và đường Lê Công Thanh kéo dài - Quy hoạch chi tiết cảng Yên Lệnh - Tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 02 của Ban TVTU - Sơ kết 1 năm thực hiện kế hoạch 1240/KH-UB 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 2/2005 Tháng 2/2005 Tháng 3/2005 Tháng 3/2005 Tháng 5/2005 Tháng 5/2005 Tháng 7/2005 Tháng 7/2005 Tháng 11/2005 	
7	<p style="text-align: center;">SỞ XÂY DỰNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - QH xây dựng chuỗi đô thị Đông Văn - Yên Lệnh - QH xây dựng 2 bờ sông Đáy - Dự án khu đô thị Quang Trung - Lam Hạ - Dự án xây dựng khu đô thị Hoà Mạc - Đông Văn - Dự án xây dựng khu đô thị mới Bắc Châu Giang 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 01/2005 Tháng 01/2005 Tháng 3 /2005 Tháng 6/2005 Tháng 6/2005 	
8	<p style="text-align: center;">SỞ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2005 - Báo cáo quy hoạch về tài nguyên cát dưới lòng sông - Quy hoạch chi tiết vùng tài nguyên khoáng sản; 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 8/2005 Tháng 5/2005 Tháng 6/2005 	

TT	TÊN ĐỀ ÁN	Thời gian	
	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản; lộ trình di chuyển ra khỏi vùng cấm khai thác. - Báo cáo tổng kết thực hiện Thông tri 25 về cấp GCNQSD đất - Báo cáo tổng hợp kết quả tổng kiểm kê đất đai năm 2005 - Báo cáo quy hoạch quản lý sử dụng nguồn nước ngầm 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 7/2005 Tháng 8/2005 Tháng 8/2005 	
9	<p style="text-align: center;">SỞ NỘI VỤ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế thi tuyển công chức cấp xã - Đề án tuyển dụng công chức hành chính năm 2005 - Đề án chất lượng công chức - Đề án thực hiện cơ chế 1 cửa ở các cơ quan HCNN khối tỉnh, huyện, còn lại 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 02/2005 Tháng 03/2005 Tháng 04/2005 Tháng 10/2005 	
10	<p style="text-align: center;">SỞ TƯ PHÁP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án thực hiện công chứng đối với các giao dịch dân sự liên quan đến chuyển quyền sở hữu tài sản, chuyển quyền sử dụng đất đai. - Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Quyết định 212/2004 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình quốc gia phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân xã phường thị trấn từ năm 2005- 2010. 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 5/2005 Tháng 2/2005 	
11	<p style="text-align: center;">SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án đào tạo cán bộ VH TT xã, phường - Đề án nâng cấp, cải tạo rạp chiếu bóng Biên Hoà - Đề án xây dựng thư viện tỉnh Hà Nam 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 2/2005 Tháng 7/2005 Tháng 11/2005 	
12	<p style="text-align: center;">SỞ GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án xây dựng trường chuẩn Quốc gia bậc Trung học, đề án phổ cập giáo dục bậc Trung học - Đề án tăng cường QLNN về dạy và học ngoài giờ chính khoá 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 4/2005 Tháng 4/2005 	

TT	TÊN ĐỀ ÁN	Thời gian	
	- Đề án tin học hóa trong trường học - Đề án điều chỉnh mức học phí năm học 2006-2007	Tháng 5/2005 Tháng 6/2005	
13	SỞ LĐTB- XH - Báo cáo đánh giá công tác đào tạo nghề - Đề án xóa nhà tạm, nhà không an toàn cho hộ nghèo - Dự án mở rộng Trung tâm giáo dục, lao động, xã hội - Chọn mẫu thiết kế Đài tượng niệm liệt sỹ của tỉnh	Tháng 3/2005 Tháng 3/2005 Tháng 4/2005 Tháng 6/2005	<i>dể trình BIVTU</i>
14	SỞ Y TẾ - Dự án cấp nước sạch Bệnh viện đa khoa tỉnh - Đề án xây dựng làng văn hóa sức khỏe - Báo cáo sơ kết 2 năm khám chữa bệnh cho người nghèo	Tháng 2/2005 Tháng 5/2005 Tháng 7/2005	
15	SỞ TDTT - Báo cáo tổng kết đại hội TDTT các cấp	Tháng 12/2005	
16	SỞ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ - Báo cáo đánh giá chương trình công nghệ thông tin trong quản lý hành chính Nhà nước. - Đề án số hóa các đề tài dự án nghiên cứu khoa học công nghệ giai đoạn 1997- 2004. - Quy định về quản lý Đo lường trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Tháng 3/2005 Tháng 5/2005 Tháng 5/2005	
17	CỤC THUẾ TỈNH - Báo cáo tình hình thu thuế của các DN đầu tư trên địa bàn tỉnh	Tháng 3/2005	
18	VĂN PHÒNG UBND TỈNH - KH tổ chức đại hội thi đua cấp tỉnh lần thứ 8. - Báo cáo tổng kết phong trào thi đua 5 năm (2001- 2005)	Tháng 4/2005 Tháng 7/2005	

TT	TÊN ĐỀ ÁN	Thời gian	
19	ỦY BAN DÂN SỐ – GIA ĐÌNH - TRẺ EM - Báo cáo KH triển khai Quyết định 19 của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em lao động sớm, trẻ em bị xâm hại nhân phẩm. - Sơ kết 5 năm thực hiện chiến lược dân số; chương trình hành động vì trẻ em 2001 - 2005.	Tháng 2/2005	
		Tháng 12/2005	
20	BAN VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ - Sơ kết 5 năm chương trình hành động vì sự TBPN 2001 - 2005	Tháng 11/2005	
21	ĐÀI PTTT TỈNH - Đề án nâng cấp các Đài Truyền thanh cơ sở	Tháng 4/2005	
22	BAN QUẢN LÝ CÁC KCN - Quy định mức thu phí hạ tầng kỹ thuật đối với các Doanh nghiệp đầu tư vào Khu Công nghiệp	Tháng 3/2005	
	- Đề án rà soát quy chế quản lý KCN	Tháng 4/2005	
	- Quy hoạch Khu Công nghiệp Thanh Liêm	Tháng 4/2005	

TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

- Căn cứ Chương trình công tác của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành, huyện, thị, đơn vị có liên quan cụ thể hoá và xây dựng chương trình công tác của đơn vị năm 2005, báo cáo về UBND tỉnh trước ngày 25/02/2005.

- Trong tổ chức thực hiện thường xuyên phát hiện và xử lý những vướng mắc phát sinh từ cơ sở, đối

với những vấn đề vượt quá thẩm quyền cần kịp thời báo cáo và đề xuất UBND tỉnh giải quyết.

- Hàng tháng, quý có báo cáo đánh giá việc tổ chức thực hiện kế hoạch và ngân sách năm 2005 về UBND tỉnh theo quy định chế độ thông tin báo cáo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đình Văn Cường

Quyết định số 212/2005/QĐ-UB ngày 04 tháng 02 năm 2005

V/v ban hành Quy chế quản lý, cung cấp thông tin
và truy cập Website Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy chế quản lý, cung cấp thông tin và truy cập Website Hà Nam.*

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UB ngày 02/8/2002 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án “tin học hoá quản lý hành Chính Nhà nước tỉnh Hà Nam giai đoạn 2001-2005”;

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-UB ngày 16/9/2003 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Dự án “Xây dựng Website tỉnh Hà Nam”

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Xét đề nghị của văn phòng UBND tỉnh,

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn Cường

QUY CHẾ

QUẢN LÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ TRUY CẬP WEBSITE HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 212/2005/QĐ-UB ngày 04 tháng 02 năm 2005 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc quản lý, cung cấp thông tin và truy cập trang

thông tin điện tử của tỉnh Hà Nam (gọi tắt là Website của tỉnh Hà Nam) trên mạng diện rộng của tỉnh và mạng thông tin toàn cầu Internet.

- Áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng Website Hà Nam.

Điều 2: Nguyên tắc chung:

Việc quản lý, cung cấp thông tin và truy cập Website Hà Nam được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung thông tin:

Thông tin của Website Hà Nam bao gồm các lĩnh vực chính sau đây:

- Điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế, văn hoá , xã hội.
- Hoạt động đầu tư phát triển, chính sách ưu đãi đầu tư.
- Các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.
- Giới thiệu quảng cáo cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế của tỉnh.
- Các thông tin khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nhiệm vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý Website Hà Nam; có các nhiệm vụ sau:

- Thu thập biên tập thông tin theo nội dung đã quy định tại Điều 3.
- Duy trì hoạt động và lập kế hoạch nâng cấp Website Hà Nam phù hợp với từng giai đoạn.

Điều 5. Nhiệm vụ của Ban biên tập

Ban biên tập Website Hà Nam do UBND tỉnh thành lập, bao gồm các thành phần sau:

Trưởng ban: Phó chủ tịch UBND tỉnh

Phó ban; Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.

Thành viên: Chuyên viên phụ trách lĩnh vực: Tổng hợp, giao thông, xây dựng, Công nghiệp, Nông nghiệp, Văn xã, tài chính, Thương mại....cán bộ Trung tâm tin học, chuyên viên Sở Khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ của Ban biên tập

- Trưởng ban: Chịu trách nhiệm chung về thông tin được đăng tải trên Website Hà Nam.

Phó ban: Chịu trách nhiệm biên tập các tin, bài thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước được phân công

-Thành viên là chuyên viên phụ trách các lĩnh vực: thu thập biên tập các tin, bài thuộc lĩnh vực mà mình phụ trách.

- Thành viên là cán bộ trung tâm tin học: Thu thập, biên tập các tin bài về lĩnh vực công nghệ thông tin và phân chia các tin, bài do cộng tác viên gửi về cho các thành viên phụ trách các lĩnh vực.

Điều 6. Trình tự biên tập thông tin

Biên tập viên chịu trách nhiệm biên tập bước 1 các tin, bài. Phó ban

chịu trách nhiệm biên tập bước 2 các tin bài thuộc lĩnh vực mình quản lý. Chỉ sau khi biên tập bước 2, các thông tin mới được phép đăng tải trên Website Hà Nam.

Điều 7. Trách nhiệm cung cấp thông tin

- Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Website Hà Nam theo quy định của Luật báo chí.

- Các cộng tác viên được khuyến khích tham gia cung cấp thông tin cho Website Hà Nam.

Điều 8. An toàn giữ liệu

Trung tâm tin học có trách nhiệm định kỳ sao, lưu dữ liệu của Website Hà Nam đảm bảo an toàn.

Điều 9. Kinh phí

Việc trả nhuận bút, nhuận ảnh và tiền biên tập được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao trách nhiệm cho trung tâm tin học theo dõi thống kê, tổng hợp các thông tin, kinh phí chi trả nhuận bút, nhuận ảnh và biên tập theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

Thủ trưởng các sở, ban ngành, chủ tịch UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo Chánh văn phòng hoặc cán bộ tổng hợp, cán bộ quản trị mạng của cơ quan thường xuyên gửi tin, bài, thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách để cung cấp thông tin cho Website Hà Nam.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

- Các đơn vị cá nhân có thành tích trong việc phát triển Website Hà Nam sẽ được khen thưởng.

- Các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định trong quy chế làm thiệt hại đến tài sản, thiết bị, sai lệch nội dung thông tin và dữ liệu trên Website Hà Nam sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện quy chế này, nếu có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, giao cho văn phòng UBND tỉnh tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn Cường

Quyết định số 218/QĐ- UB, ngày 15 tháng 02 năm 2005

V/v Thành lập Liên đoàn Tennis tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 88/2003/NĐ - CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

Xét đề nghị của Sở nội vụ và Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Liên đoàn Tennis tỉnh Hà Nam, Ban chấp hành lâm thời gồm những ông (bà) có tên sau:

1. Ông Nguyễn Trí Ngọc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh- Chủ tịch Liên đoàn.

2. Ông Kim Văn Đăng- Giám đốc Bưu điện tỉnh- Phó chủ tịch Thường trực.

3. Ông Đinh Trọng Hải- Giám đốc Sở TDTT - Phó Chủ tịch Liên đoàn.

4. Ông Nguyễn Xuân Vân- Chánh Văn phòng UBND tỉnh- PCT Liên đoàn.

5. Ông Bùi Văn Tròn- Giám đốc Công ty xi măng Bút Sơn- PCT Liên đoàn.

6. Ông Mai Tiến Dũng- Phó Văn phòng UBND tỉnh - Tổng thư ký.

7. Bà Hà Thị Văn Hằng- Phó Chủ tịch UBND thị xã Phủ Lý - Ủy viên.

8. Ông Nguyễn Bá Công- Giám đốc Sở Nội vụ - Ủy viên.

9. Ông Trần Quốc Hùng- Giám đốc Sở VH TT - Ủy viên.

10. Ông Nguyễn Xuân Mai- Giám đốc Công ty Khoáng sản- Ủy viên.

11. Ông Trần Đức Lý- Giám đốc Công ty Tư vấn đầu tư XD Hải Lý- Ủy viên.

12. Ông Nguyễn Hùng Vũ- Giám đốc Công ty Dệt Hà Nam- Ủy viên.

13. Ông Nguyễn Tuấn Hùng- Chủ nhiệm CLB Tennis Bưu Điện tỉnh- Ủy viên.

14. Ông Nguyễn Thanh Bình- Phó huy trưởng Bộ CHQS tỉnh- Ủy viên.

15. Ông Lê Trịnh Phú- Chủ tịch Công đoàn Công ty Xi măng Bút Sơn- Ủy viên.

Điều 2. Liên đoàn Tennis tỉnh Hà Nam được tổ chức, hoạt động trong phạm vi pháp luật quy định và phù hợp với điều lệ của Ủy ban Thể dục thể thao; Liên đoàn Tennis tỉnh Hà Nam được khắc dấu, mở tài khoản tại Ngân hàng, trụ sở Liên đoàn tại Văn phòng UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Đinh Văn Cường

Quyết định số 273/2005/QĐ-UB ngày 23 tháng 02 năm 2005
Về việc ban hành Quy chế thi tuyển công chức cấp xã.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về Cán Bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường thị trấn.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở nội vụ.

Điều 1. Nay ban hành theo Quyết định này Quy chế thi tuyển công chức cấp xã.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chủ tịch

Dinh Văn Cường

QUY CHẾ THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo QĐ số 273/2005/QĐ-UB ngày 23 tháng 02 năm 2005 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định việc thi tuyển công chức cấp xã. Việc thi tuyển công chức cấp xã phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí công tác, tiêu chuẩn và số lượng của chức danh cần tuyển dụng.

Điều 2. Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo, tổ chức thi tuyển công chức

cấp xã theo Quy chế thi tuyển công chức cấp xã của UBND tỉnh.

Điều 3. UBND cấp huyện là cơ quan tổ chức thi tuyển phải thành lập Hội đồng thi để thực hiện việc thi tuyển.

Điều 4. Việc thi tuyển công chức cấp xã bảo đảm nguyên tắc công khai, công bằng và chất lượng; mọi công dân có đủ điều kiện đều có cơ hội ngang nhau được tuyển vào làm công chức cấp xã. Các cơ quan có thẩm quyền tổ chức

thi tuyển quy định tại điều 3 Quy chế này phải thông báo trước 30 ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng 3 lần về số lượng tuyển dụng, ngày thi, lệ phí thi và các điều kiện dự thi quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5.

1- Những người dự thi để tuyển dụng vào công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Là công dân nước CHXHCN Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại huyện (hoặc thị xã) nơi huyện đó (hoặc thị xã) tổ chức thi tuyển công chức cấp xã, tự nguyện làm đơn xin dự thi.

b) Có lý lịch rõ ràng.

c) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang thi hành án hình sự.

d) Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ được giao.

đ) Tiêu chuẩn:

+ Độ tuổi: Từ đủ 18 tuổi đến 35 tuổi.

+ Học vấn: Tốt nghiệp THPT.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Phải có trình độ trung cấp trở lên phù hợp với chức danh dự tuyển.

2- Hồ sơ dự thi bao gồm:

a) Đơn xin dự thi (theo mẫu quy định)

b) Bản khai lý lịch do chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú xác nhận.

c) Các văn bằng theo yêu cầu của chức danh dự thi và sổ hộ khẩu (bản

sao phải có xác nhận của cơ quan công chứng).

d) Phiếu sức khỏe có xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện hoặc tỉnh.

e) Ba phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ người nhận, 2 ảnh cỡ 4X6. Hồ sơ dự thi của từng cá nhân được bỏ vào phong bì riêng.

Điều 6. Thí sinh phải tham gia 2 phần thi: thi viết và thi vấn đáp (hoặc trắc nghiệm). Bài thi viết và bài thi trắc nghiệm có gắn phách.

Nội dung thi viết: Môn hành chính.

Nội dung thi vấn đáp (hoặc trắc nghiệm): Chuyên môn nghiệp vụ.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG THI

Điều 7.

1- Hội đồng thi hoạt động trong một kỳ thi và phải tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng thi làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

2- Hội đồng thi được phép sử dụng con dấu của cơ quan do Chủ tịch UBND cấp huyện quy định trong thời gian hoạt động của Hội đồng thi.

Điều 8. Thành phần của Hội đồng thi có 5 hoặc 7 người bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng thi là lãnh đạo UBND cấp huyện.

b) Phó chủ tịch Hội đồng thi là Trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng tổ chức Lao động thương binh và xã hội cấp huyện.

c) Thư ký Hội đồng thi là chuyên viên theo dõi công tác thi tuyển của phòng Tổ chức LĐTB & XH cấp huyện.

* Các uỷ viên khác trong Hội đồng thi do Chủ tịch Hội đồng thi tuyển quyết định.

Điều 9. Hội đồng thi có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Hướng dẫn thể lệ, quy chế thi; hồ sơ cần thiết của người dự thi, nội dung thi, tài liệu nghiên cứu, tham khảo trước khi thi cho người dự thi (gọi là thí sinh);

2. Thành lập Ban coi thi, ban chấm thi và chỉ đạo các hoạt động của các Ban coi thi, chấm thi theo đúng quy chế;

3. Thông báo ngày thi cho thí sinh ít nhất là trước 30 ngày kể từ ngày tổ chức thi;

4. Nhận và xem xét hồ sơ, các đơn dự thi, lập danh sách những người đủ điều kiện tham gia thi;

5. Tổ chức việc ra đề thi, chọn đề thi đảm bảo đúng nội dung hướng dẫn thi và yêu cầu về tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức dự thi;

6. Có kế hoạch bảo vệ an toàn kỳ thi và bảo vệ sức khoẻ cho những người tham gia kỳ thi trong khi làm công vụ.

7. Lập danh sách kết quả thi và thông báo cho thí sinh biết về kết quả thi;

8. Tổ chức việc phúc tra kết quả thi nếu thí sinh có khiếu nại và giải quyết những thắc mắc liên quan đến thi.

9. Báo cáo kết quả thi lên chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng thi.

1- Chủ tịch Hội đồng thi:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng thi quy định ở điều 9 quy chế này và chỉ đạo quá trình thi;

b) Quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi và chỉ định thành viên của các Ban này;

c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng thi;

d) Tổ chức việc ra đề thi và lựa chọn đề thi theo đúng quy định, đảm bảo tuyệt đối bí mật;

đ) Thông báo kết quả thi cho thí sinh như quy định tại Điều 9.

2- Phó chủ tịch hội đồng thi:

a) Giúp chủ tịch Hội đồng thi chuẩn bị tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng thi và điều hành công việc do Chủ tịch Hội đồng thi phân công;

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình coi thi, chấm thi;

c) Cùng với chủ tịch Hội đồng thi xem xét và công bố kết quả thi;

d) Đề xuất danh sách và dự kiến phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên Hội đồng thi;

3- Các uỷ viên thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng thi phân công cụ thể.

4- Thư ký Hội đồng thi, giúp Chủ tịch Hội đồng thi

a) Tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ của người xin dự thi;

b) Tổ chức, hướng dẫn cho thí sinh ôn tập trước khi thi;

c) Tập hợp các đề thi, đáp án để báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi;

d) Chuẩn bị các tài liệu cho Hội đồng thi và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng thi;

e) Tổ chức việc thu, nhận bài thi và tài liệu có liên quan; đánh mã phách, rọc phách bài thi và làm thủ tục chuyển giao cho Ban chấm thi;

g) Thu nhận các bài chấm thi, khớp phách, lập bảng điểm và lập danh sách kết quả thi.

Chương III

TỔ CHỨC THI TUYỂN

Điều 11.

1- Trước ngày thi 01 ngày, các phòng thi được đánh số thứ tự, niêm yết danh sách thí sinh trước phòng thi.

- Mỗi phòng thi tối đa 25 thí sinh.

- Mỗi bàn thi tối đa 02 thí sinh.

2- Phải niêm yết các thông tin cần thiết cho thí sinh biết như: sơ đồ phòng thi, nội quy thi, thời gian thi

-Đề thi viết: Thi chung 01 đề, thời gian 120 phút.

-Đề thi vấn đáp: Có nhiều đề với nội dung khác nhau, mỗi thí sinh bốc thăm chọn 01 đề, thời gian thi đối với mỗi thí sinh là 30 phút (20 phút chuẩn bị và 10 phút trả lời).

-Nếu thay thi vấn đáp bằng thi trắc nghiệm: Có nhiều đề với nội dung khác nhau; thời gian thi đối với mỗi thí sinh là 30 phút.

Điều 12. Hội đồng thi tổ chức lễ khai mạc kỳ thi; nếu số lượng thí sinh đông thì có thể tổ chức lễ khai mạc từ ngày hôm trước.

Điều 13.

1- Mỗi phòng thi có 03 giám thị trong đó có 01 giám thị biên.

2- Giám thị không được coi thi ở phòng thi có người thân thích của mình là thí sinh.

Điều 14. Nhiệm vụ quyền hạn của Ban coi thi:

1-Ban coi thi có trách nhiệm giúp Hội đồng thi tổ chức cho người coi thi (gọi là giám thị) làm việc giám sát, kiểm tra việc thi của thí sinh.

2-Ban coi thi có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tổ chức sắp xếp và phân công giám thị tại các phòng thi;

b) Tổ chức và sắp xếp người bảo vệ ở bên ngoài các phòng thi (gọi là giám thị biên).

c)Thực hiện đúng nội quy phòng thi;

d) Kiểm tra thẻ dự thi và các điều kiện để đảm bảo tốt kỳ thi;

e) Phân phát đề thi cho thí sinh theo đúng nội quy;

g) Thu bài thi của thí sinh;

h) Lập biên bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét giải quyết các trường hợp thí sinh vi phạm quy chế thi.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Ban coi thi;

1- Trưởng ban coi thi:

a) Tổ chức chỉ đạo Ban coi thi thực hiện tốt nhiệm vụ của Ban coi thi quy định tại Điều 14 của quy chế này.

b) Bố trí, sắp xếp giám thị tại các phòng thi, giám thị biên;

c) Nhận và bảo quản đề thi theo đúng quy chế;

d) Tạm đình chỉ việc coi thi của giám thị hoặc tạm đình chỉ việc thi của thí sinh nếu thấy có căn cứ vi phạm quy chế, nội quy thi và báo cáo ngay với Chủ tịch hội đồng thi để xem xét quyết định;

d) Tổ chức tập hợp bài thi của thí sinh để bàn giao cho thư ký Hội đồng thi theo đúng thủ tục.

2-Giám thị trong phòng thi:

a) Kiểm tra thẻ dự thi (hoặc chứng minh thư) của thí sinh khi vào phòng thi và hướng dẫn thí sinh ngồi đúng nơi quy định theo số báo danh.

b) Phổ biến nội quy thi cho các thí sinh

c) Phát giấy thi và ký vào giấy thi theo đúng quy định;

d)Nhận đề thi và chỉ được mở bì đựng đề thi khi có hiệu lệnh. Trước khi mở đề thi, giám thị phòng thi cho các thí sinh chứng kiến đề thi được niêm phong.

d) Đọc và viết chính xác đề thi lên bảng hoặc phát đề thi cho các thí sinh. Thực hiện nhiệm vụ coi thi trong phòng thi theo đúng nội quy.

e) Không được giải thích đề thi hoặc trao đổi riêng với bất cứ thí sinh nào trong phòng thi.

g) Hết giờ thi, giám thị phòng thi có nhiệm vụ;

-Yêu cầu thí sinh nộp bài thi

- Kiểm tra số lượng bài thi đã nộp, chữ ký của thí sinh, danh sách phòng thi.

- Làm thủ tục nộp bài thi của thí sinh, đề thi đã sử dụng, chưa sử dụng và các văn bản khác có liên quan cho trưởng Ban coi thi.

3- Giám thị biên.

a) Giữ gìn trật tự và bảo đảm an toàn bên ngoài phòng thi.

b) Phát hiện, nhắc nhở, phê bình, lập biên bản những giám thị trong phòng thi hoặc thí sinh vi phạm quy chế thi, báo cáo ngay với Trưởng ban coi thi để giải quyết.

c) Chỉ được vào trong phòng thi khi thi hành công vụ.

Điều 16. Nhiệm vụ của Ban chấm thi:

1- Ban chấm thi có trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng thi tổ chức và thực hiện việc chấm thi theo đúng quy chế.

2- Ban chấm thi có nhiệm vụ:

a) Tổ chức trao đổi, thảo luận thống nhất đáp án, thang điểm đã được Chủ tịch hội đồng thi quy định trước khi chấm thi.

b) Tổ chức bố trí người chấm thi viết; thi vấn đáp đảm bảo nguyên tắc mỗi bài thi, mỗi bàn thi vấn đáp phải có hai người chấm thi;

c) Nhận và phân chia bài thi của thí sinh cho các giám khảo chấm điểm.

d) Bàn giao bản chấm thi và kết quả chấm thi viết, kết quả điểm thi vấn đáp (hoặc trắc nghiệm) của từng thí sinh cho thư ký Hội đồng thi.

đ) Khi phát hiện bài thi của thí sinh vi phạm quy chế thi, lập biên bản những trường hợp đó và báo cáo với Hội đồng thi xem xét giải quyết.

e) Giữ gìn bí mật kết quả điểm thi.

g) Tổ chức phúc tra bài thi theo yêu cầu của Hội đồng thi

Điều 17. Nhiệm vụ của các thành viên Ban chấm thi.

1-Trưởng ban chấm thi:

a) Tổ chức chỉ đạo, phân công các thành viên của ban chấm thi.

b) Trưởng ban chấm thi tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ của ban chấm thi qui định ở điều 16 quy chế này, kiểm tra công việc của người chấm thi (gọi là giám khảo).

c) Quyết định điểm thi khi các giám khảo cho điểm chênh lệch.

d) Tổng hợp kết quả thi của thí sinh, bàn giao kết quả chấm thi cho thư ký Hội đồng thi.

2- Giám khảo

a) Chấm điểm các bài thi viết, thi vấn đáp (hoặc thi trắc nghiệm) bảo đảm nghiêm túc, chính xác theo đúng thang điểm của đáp án.

b) Báo cáo các dấu hiệu vi phạm trong các bài thi với trưởng ban chấm thi và đề nghị hình thức xử lý.

c) Mỗi bài thi được hai giám khảo chấm độc lập. Nếu điểm của hai giám khảo chênh lệch từ 1 điểm trở xuống thì cộng lại chia trung bình. Nếu chênh lệch trên 1 điểm thì trao đổi để thống

nhất, nếu không thống nhất thì chuyển hai kết quả điểm đó lên Trưởng ban chấm thi giải quyết.

Chương IV

ƯU TIÊN TRONG THI TUYỂN, NGUYÊN TẮC XÉT TRÚNG TUYỂN VÀ ĐIỀU ĐỘNG CÔNG CHỨC.

Điều 18. ưu tiên trong thi tuyển.

- Cộng thêm 3 điểm vào tổng số điểm thi đối với thí sinh là Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động.

- Cộng thêm 2,5 điểm vào tổng số điểm thi đối với thí sinh là thương binh hạng 2,3,4.

- Cộng thêm 2 điểm vào tổng số điểm thi đối với thí sinh là con liệt sỹ, con mẹ Việt nam anh hùng, con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động, con thương binh, con những người được hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên.

- Cộng thêm 1,5 điểm vào tổng số điểm thi đối với thí sinh là con thương binh, con những người được hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ mất sức lao động dưới 81%, con bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động từ 61% đến 80%.

- Cộng thêm 1 điểm vào tổng số điểm thi đối với các thí sinh đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; đội viên thanh niên xung phong; đội viên trí thức trẻ tình

nguyện phục vụ nông thôn miền núi từ 02 năm trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ; người dân tộc thiểu số.

Những người là con thuộc đối tượng ưu tiên phải là con đẻ, con nuôi hợp pháp được pháp luật công nhận.

Điều 19. Cách tính điểm trong kỳ thi tuyển:

1-Mỗi phần thi được chấm theo thang điểm 10. Bài thi viết tính hệ số 2.

2-Người được ưu tiên trong thi tuyển được cộng thêm điểm ưu tiên vào tổng số điểm thi.

Điều 20. Nguyên tắc trúng tuyển.

- Người trúng tuyển là những thí sinh có đủ các môn thi và số điểm của mỗi phần thi đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (điểm bài thi viết chưa tính hệ số 2).

- Lấy theo độ dốc thứ tự người có tổng số điểm cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu được thông báo tuyển dụng của từng chức danh công chức cấp xã.

* Khi lấy gần hết chỉ tiêu mà có những trường hợp nhiều người có tổng số điểm bằng nhau cao hơn số chỉ tiêu được tuyển, thì Hội đồng thi căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đề ra tiêu chí để chọn, đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan.

Điều 21. Điều động công chức

1- Sau khi thi các thí sinh trúng tuyển sẽ được điều động công tác về

các xã, phường thị trấn theo Quyết định của UBND cấp huyện.

2- Trong thời gian chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng phải đến cơ quan nhận việc, nếu đến nhận việc chậm quá thời hạn và không có lý do chính đáng thì cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyển dụng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22.

1- UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thi tuyển công chức theo đúng quy chế này

2- Trong quá trình triển khai, tổ chức thi tuyển, UBND cấp huyện phải báo cáo về UBND tỉnh qua sở Nội vụ.

Sở nội vụ có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, thanh tra kỳ thi và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kết quả thi tuyển do Sở nội vụ thẩm định và có ý kiến bằng văn bản trước khi UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng.

3- Tập thể và cá nhân nào vi phạm quy chế thi, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Chủ tịch
Đinh Văn Cường

Quyết định số 323/2005/QĐ- UB ngày 25 tháng 02 năm 2005 **V/v thành lập trung tâm Dâu tằm tỉnh Hà Nam.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2004/TTLT-BNN-BNV ngày 02/04/2004 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND quản lý Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và sở nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập trung tâm Dâu tằm tơ tỉnh Hà Nam trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức, cơ sở vật chất của Trại Dâu tằm tỉnh Hà Nam thuộc Công ty Giống cây trồng và Dịch vụ nông nghiệp. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Trung tâm Dâu tằm tơ tỉnh Hà Nam có nhiệm vụ sau: